

UBND XÃ THANH NỮA
TRƯỜNG THCS THANH LƯƠNG

BẢNG THANH TOÁN TRUY LĨNH TĂNG LƯƠNG ĐỢT 2 - NĂM 2025
TỪ THÁNG 8 ĐẾN HẾT 12 NĂM 2025 - MỨC LƯƠNG CƠ BẢN: 2.340.000 Đồng

Stt	Họ và tên	Hệ số lương			Lương chính	Số tháng	Tăng lương	V/khung		Tổng công lương chính	P/c Tham miễn		30% Biên giới	35% Ưu đãi	Tổng công	Các Khoản thu			Tăng lương	Ghi chú
		HS Mới	HS cũ	Chênh lệch				Hệ số	Số tiền		Hệ số	Số tiền				1% BHTN	1,5% BHYT	8 % BHXH		
1	Nguyễn Đức Hồng	5,70	5,36	0,34	2.340.000	5	3.978.000		-	3.978.000		1.074.060	1.193.400	1.392.300	7.637.760	50.521	75.781	404.165	7.107.294	T8-T12
2	Nguyễn Thị T Nhung	5,70	5,36	0,34	2.340.000	5	3.978.000		-	3.978.000		1.113.840	1.193.400	1.392.300	7.677.540	50.918	76.378	407.347	7.142.897	T8-T12
3	Nguyễn Ngọc Phương	5,70	5,36	0,34	2.340.000	5	3.978.000		-	3.978.000		1.113.840	1.193.400	1.392.300	7.677.540	50.918	76.378	407.347	7.142.897	T8-T12
4	Đặng Quang Trường	5,02	4,68	0,34	2.340.000	3	2.386.800		-	2.386.800		525.096	716.040	835.380	4.463.316	29.119	43.678	232.952	4.157.567	T10-T12
5	Ngô Thị Tuyền	5,02	4,68	0,34	2.340.000	5	3.978.000		-	3.978.000		875.160	1.193.400	1.392.300	7.438.860	48.532	72.797	388.253	6.929.278	T8-T11-T12
6	Phạm Thị Thanh Thủy	5,36	5,02	0,34	2.340.000	2	1.591.200		-	1.591.200		381.888	477.360	556.920	3.007.368	19.731	29.596	157.847	2.800.194	T12
7	Phạm Thị Đoá	4,89	4,89	-	-	4	-	1%	457.704	457.704		132.734	137.311	160.196	887.946	5.904	8.857	47.235	825.950	T9-12
Tổng cộng					14.040.000	29	19.890.000	0	457.704	20.347.704	2	5.216.618	6.104.311	7.121.696	38.790.330	255.643	383.465	2.045.146	36.106.076	

Kế toán trưởng

Hiệu trưởng

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

Vương Thị Tuyền

Nguyễn Đức Hồng

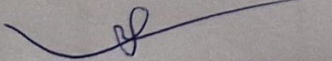


BẢNG TRUY LĨNH TĂNG % PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO ĐỢT 2 NĂM 2025
(Từ tháng 6/2025 đến hết tháng 12/2025)

Mức lương: 2.340.000 đồng/tháng

stt	Họ và tên	Lương cơ bản: 2.340.000 đồng																Ghi chú	
		Lương ngạch bậc		CV		TNVK		Thâm niên sau khi tăng		Thâm niên trước khi tăng		Số tiền chênh lệch 1 T	Số tháng	Tổng số tiền được hưởng	Các khoản phải thu				Tổng lĩnh
		Hsl	Lương ngạch bậc	CV	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền				1,5% BHYT	1% BHTN	8% BHXH		
1	Phạm Thị Thanh Thủy	5,36	12.542.400		-			24%	3.010.176	23%	2.884.752	125.424	2	250.848	3.763	2.508	20.068	224.509	T11-12
2	Đặng Thị Thanh Nga	5,36	12.542.400	0,2	468.000			25%	3.252.600	24%	3.122.496	130.104	4	520.416	7.806	5.204	41.633	465.772	T9-12
3	Vũ Thị Thúy Hồng	5,02	11.746.800	0,2	468.000			24%	2.931.552	23%	2.809.404	122.148	4	488.592	7.329	4.886	39.087	437.290	T9-12
4	Ngô Thị Tuyền	5,02	11.746.800	0,15	351.000			22%	2.661.516	21%	2.540.538	120.978	5	604.890	9.073	6.049	48.391	541.377	T8-12
5	Nguyễn Phú Lương	4,68	10.951.200					18%	1.971.216	17%	1.861.704	109.512	1	109.512	1.643	1.095	8.761	98.013	T12-12
6	Đặng Quốc Lập	4	9.360.000		-			19%	1.778.400	18%	1.684.800	93.600	1	81.391	1.404	936	7.488	71.563	5/10/2025-31/10
	Đặng Quốc Lập	4	9.360.000		-			19%	1.778.400	18%	1.684.800	93.600	2	187.200	2.808	1.872	14.976	167.544	T11-T12
Tổng cộng			78.249.600	1	1.287.000	-	-	2	17.383.860	1	16.588.494	795.366	19	2.242.849	33.826	22.551	180.405	2.006.068	

KẾ TOÁN



Vương Thị Tuyền

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH LƯƠNG
★ Nguyễn Đức Hồng